
NGHIÊN CỨU

Hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự của Việt Nam: Suy ngẫm về những nguyên tắc cơ bản

Lê Văn Cẩm*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 01 tháng 5 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 5 năm 2013; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 5 năm 2013

Tóm tắt: Trên cơ sở nghiên cứu các phạm trù có liên quan như khái niệm, ý nghĩa, mục tiêu, đối tượng và đòi hỏi của việc hoàn thiện pháp luật về tư pháp hình sự (TPHS), bài viết đề cập đến việc phân tích nội dung khoa học của những nguyên tắc hoàn thiện pháp luật về TPHS trước yêu cầu sửa đổi Hiến pháp (SDHP) của giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền (NNPQ) như: 1) Phù hợp với thông lệ quốc tế; 2) Công khai, dân chủ và minh bạch; 3) Kết hợp giữa khoa học và thực tiễn; 4) Hợp tác quốc tế; 5) Pháp chế.

1. Đề dẫn

Nghị quyết số 49-NQ/TW “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” với tư cách là một văn kiện chính trị quan trọng đặt cơ sở cho các hoạt động về 1) tổng kết thực tiễn, 2) nghiên cứu lý luận và, 3) xây dựng các căn cứ pháp lý (soạn thảo các văn bản pháp luật-VBPL) đối với công cuộc cải cách tư pháp-CCTP (nói chung) và đổi mới hệ thống pháp luật về tư pháp hình sự-TPHS (nói riêng), đồng thời các Ban soạn thảo sửa đổi Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự của đất nước cũng đã đang triển khai công việc. Vì vậy, trước yêu cầu SDHP của giai đoạn xây dựng NNPQ Việt Nam hiện nay việc nghiên cứu để làm sáng tỏ các

luận điểm khoa học về những nguyên tắc hoàn thiện hệ thống pháp luật về TPHS theo định hướng bảo vệ các quyền (BVCQ) con người có ý nghĩa nhận thức - khoa học và ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng trên *ba* bình diện chủ yếu dưới đây.

1.1. Về mặt *lập pháp*, từ trước đến nay trong hệ thống các VBPL của nước ta (kể cả trong Hiến pháp năm 1992 hiện hành) vẫn chưa hề có *một quy phạm pháp luật (QPPL)* nào của Nhà nước chính thức ghi nhận cơ chế kiểm soát quyền lực (KSQL) nhà nước bằng nhánh quyền tư pháp (QTP) đối với các nhánh quyền lực khác. Mặt khác, việc tổ chức QTP ở Việt Nam hiện nay mặc dù đã trải qua **11** năm thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị BCHTW “Về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian

*ĐT: 84 - 919814589

Email: levancam1954@gmail.com

tới” và 8 năm - Nghị quyết số 49-NQ/TW năm 2005 (đó nêu trên), nhưng cho đến nay việc tổ chức BMQL nhà nước vẫn còn có những tồn tại nhất định chưa phù hợp với một số nguyên tắc được thừa nhận chung của NNPQ như: 1) Việc tổ chức các cơ quan điều tra (CQĐT) chưa được thu gọn và tinh giản về một mối đúng như tinh thần Nghị quyết số 08-NQ/TW; 2) QTP chưa được tổ chức một cách thực sự độc lập và khoa học để thực hiện tốt hoạt động *tố tụng tư pháp* (tài phán) nói chung và hoạt động *xét xử* nói riêng của hệ thống Tòa án; 3) Còn thiếu các VBPL tối quan trọng để xây dựng các cơ chế pháp lý cho *sự phán quyết những vi phạm Hiến pháp trong hoạt động của các cơ quan trong BMQL nhà nước* theo đúng tinh thần Đại hội Đảng lần thứ X (2006) nhằm bảo đảm một cách thực sự và nghiêm chỉnh sự kiểm tra của QTP đối với các nhánh quyền lực khác, cũng như cho việc *bảo vệ một cách vững chắc và hữu hiệu các quyền và tự do của con người trực tiếp bằng hệ thống Tòa án công minh, độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*; 4) Các quy định của pháp luật hình sự (PLHS) và pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) hiện hành cũng còn nhiều bất cập làm ảnh hưởng đến hiệu quả của cuộc đấu tranh với tội phạm (ĐTTrVTP).

1.2. Về mặt *thực tiễn*, chính vì xuất phát từ thực trạng nêu trên nên hiện nay trong việc tổ chức quyền lực Nhà nước đôi khi ngay giữa các cơ quan của bộ máy công quyền và các công chức của bộ máy đó vẫn còn có những cách hiểu chưa thống nhất, không chính xác về mặt khoa học, thậm chí còn nhầm lẫn, đồng nhất và đôi khi còn coi cả các dạng hoạt động *bảo vệ pháp luật (BVPL) trong lĩnh vực TPHS của một số cơ quan Nhà nước thuộc nhánh quyền hành pháp-QHP* (như: hoạt động điều tra tội phạm, hoạt động truy tố và buộc tội tại phiên tòa, hoạt động thi hành bản án kết tội do Tòa án tuyên của cơ quan thi hành án hình sự-THAHS) cũng

là dạng hoạt động tư pháp của cơ quan *Tòa án* (xét xử); chưa có các quy định của PLHS để truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) các doanh nghiệp đã hủy hoại môi trường gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng và gây thiệt hại cho Nhà nước, xã hội và nhân dân đến hàng chục, hàng trăm tỷ đồng. Trong khi đó, thực tiễn sinh động của các Nhà nước pháp quyền (NNPQ) tại các nước và phát triển trên thế giới trong thế kỷ XX-đầu thế kỷ XXI đã cho phép khẳng định một cách có căn cứ, khách quan và đảm bảo sức thuyết phục rằng: nếu như QTP trong bất kỳ một quốc gia nào không được tổ chức một cách độc lập và khoa học để thực hiện tốt hoạt động *tố tụng tư pháp* (tài phán) của hệ thống Tòa án, cũng như *sự kiểm tra của nhánh quyền lực thứ ba* này đối với các nhánh quyền lực khác nhằm *bảo vệ vững chắc các quyền và tự do của con người và của công dân*, cũng như sự vận hành có hiệu quả của cơ chế *kiểm tra và cân bằng* nhau của các nhánh quyền lực ấy nhằm góp phần biến các nguyên tắc được thừa nhận chung của NNPQ vào đời sống hiện thực và BVQC con người một cách vững chắc, thì không thể nói gì đến sự thành công của công cuộc CCTP nói riêng, cũng như thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp xây dựng NNPQ nói chung.

1.3. Về mặt *lý luận*, thực trạng trên đây đang đặt ra trước các nhà khoa học-luật gia nước nhà một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách – phải nghiên cứu để soạn thảo các luận điểm khoa học về *đổi mới hệ thống pháp luật trong lĩnh vực TPHS nhằm BVQC con người trong bối cảnh sửa đổi Hiến pháp (SDHP) của giai đoạn xây dựng NNPQ* (vì cho đến nay trong các chuyên ngành KHPL về TPHS của Việt Nam vẫn chưa có công trình nghiên cứu chuyên khảo nào đề cập đến chủ đề này).

Như vậy, tất cả những phân tích trên đây đã đặt ra sự cần thiết của việc nghiên cứu để làm sáng tỏ về mặt lý luận các luận điểm khoa học

của những nguyên tắc cơ bản về hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực TPMS trước yêu cầu SDHP của giai đoạn xây dựng NNPQ trong bài báo này.

2. Khái niệm, ý nghĩa, mục tiêu, đối tượng và đòi hỏi (yêu cầu) của việc hoàn thiện pháp luật về TPMS trước yêu cầu SDHP của giai đoạn xây dựng NNPQ

2.1. *Khái niệm hoàn thiện pháp luật về TPMS nhằm BVCQ con người trước SDHP của giai đoạn xây dựng NNPQ.* Xuất phát từ việc tæ chøc QTP (*nói chung*) và thực tiễn cải cách TPMS (*nói riêng*) ở các nước văn minh và phát triển cao là các NNPQ *đích thực* trên thế giới trong những năm cuối thế kỷ XX-đầu thế kỷ XXI, cũng như thực tiễn của công cuộc CCTP, thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về TPMS ở Việt Nam và trên cơ sở nội hàm khoa học của pháp luật về TPMS trong NNPQ (đã được xem xét trên đây), chúng ta có thể đi đến sự nhận thức khoa học-thống nhất về cách hiểu *khái niệm* đang nghiên cứu như sau: *Hoàn thiện pháp luật về TPMS nhằm BVCQ con người trước yêu cầu SDHP của giai đoạn xây dựng NNPQ Việt Nam là việc sửa đổi, bổ sung các quy định của các chuyên ngành pháp luật trong lĩnh vực ĐTrVTP (bao gồm PLMS, pháp luật TTHS, pháp luật THAHS và pháp luật về tổ chức các cơ quan TPMS) theo hướng bảo đảm tính độc lập thực sự của các cơ quan BVPL và Tòa án trong TTHS, cũng như tăng cường việc BVCQ con người cho phù hợp với các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung của PLQT trong lĩnh vực TPMS.* Như vậy, trên cơ sở khái niệm này, đồng thời căn cứ vào thực tiễn công cuộc CCTP của nước ta trong những năm qua (2005-2012) và sự phát triển của các QHXX đang tồn tại trong xã hội Việt Nam

đương đại cho thấy, suy cho cùng *vấn đề chủ yếu và quan trọng nhất để bảo đảm cho thành công của việc hoàn thiện pháp luật về TPMS là nhằm BVCQ con người.*

2.2. *Ý nghĩa của việc hoàn thiện pháp luật về TPMS nhằm BVCQ con người trước yêu cầu SDHP của giai đoạn xây dựng NNPQ là ở chỗ nó phù hợp với tinh thần của các luận điểm mang tính chỉ đạo rất tiến bộ và dân chủ của Đảng đã được khẳng định trong ba Nghị quyết rất quan trọng - Nghị quyết số 49/NQ-TW (năm 2005), Nghị quyết Đại hội lần thứ X (năm 2006) và Nghị quyết Đại hội lần thứ XI (năm 2011).* Phân tích ý nghĩa này, chúng ta có thể nhận thấy rất rõ trên ba khía cạnh sau:

2.2.1. Các quy phạm hiến định về QTP trong HPSĐ nếu được sửa đổi-bổ sung theo hướng ghi nhận cơ chế KSQL nhà nước bằng nhánh QTP để BVHP và tăng cường tính độc lập thực sự của các cơ quan tư pháp - CQTP (trong đó có các cơ quan TPMS) chính là làm theo đúng các luận điểm về *KSQL nhà nước mà Đại hội Đảng lần thứ X đã đưa ra*, đồng thời cũng góp phần làm cho các quy phạm đó phù hợp với các quy phạm và các nguyên tắc được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế (PLQT) trong lĩnh vực tư pháp với mục đích vì con người.

2.2.2. Việc xây dựng cơ quan tổ tụng về Hiến pháp và đổi mới hệ thống các cơ quan TPMS (bao gồm cả các quy định của pháp luật về tổ chức các cơ quan này) một cách khoa học nhằm tăng cường BVCQ chính là làm đúng theo các luận điểm về *xây dựng cơ chế phán quyết về những vi phạm Hiến pháp (VPHP) mà Đại hội Đảng lần thứ X đã đưa ra*, đồng thời đáp ứng được nguyện vọng tha thiết của nhân dân về một hệ thống TPMS mới công minh, trong sạch và vững mạnh ở Việt Nam, phù hợp với định hướng chung của nhân loại tiến bộ trong xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

2.2.3. Việc hoàn thiện pháp luật về TPHS, tức là pháp luật trong lĩnh vực ĐTrVTP (bao gồm PLHS, pháp luật TTHS và pháp luật THAHS) nhằm tăng cường BVCQ con người tránh khỏi sự xâm hại của tội phạm chính là làm đúng theo các luận điểm chỉ đạo của Đại hội Đảng lần thứ XI về “*Hoàn thiện, chính sách, pháp luật về hình sự*” (thuật ngữ “*hình sự*” ở đây theo nghĩa rộng chính là PLHS, pháp luật TTHS, pháp luật THAHS) và để góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của *ba* ngành luật này trong các hoạt động điều tra-truy tố-xét xử và THAHS đối với các tội xâm phạm đến các quyền của công dân, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế về nhân quyền đã được thừa nhận chung ở các NNPQ đích thực.

2.3. Mục tiêu của hoàn thiện pháp luật về TPHS nhằm BVCQ con người trước yêu cầu SĐHP của giai đoạn xây dựng NNPQ là những kết quả cuối cùng với tính chất là các chế định pháp lý tiến bộ - dân chủ và các giá trị tinh thần cao quý nhất của nền văn minh nhân loại chỉ có trong NNPQ mà nhân dân ta mong muốn phấn đấu đạt được bằng việc thực hiện đổi mới hệ thống pháp luật trong lĩnh vực ĐTrVTP theo hướng nâng cao hiệu quả của các hoạt động điều tra-truy tố-xét xử và THAHS đối với các tội xâm phạm các quyền và tự do của công dân. Xuất phát từ khái niệm này, theo quan điểm của chúng tôi, việc hoàn thiện pháp luật về TPHS (nói riêng) phải cùng với CCTP (nói chung) trong bối cảnh SĐHP của giai đoạn xây dựng NNPQ nhằm hướng tới 5 mục tiêu chủ yếu dưới đây.

2.3.1. Góp phần nâng cao ý thức pháp luật để bảo đảm tốt sự nhận thức-khoa học thống nhất trong giới luật học nói riêng (nhất là đội ngũ cán bộ-công chức của các cơ quan TPHS) và trong toàn xã hội nói chung về sự cần thiết tất yếu của các khái niệm, các phạm trù và các chế định pháp lý tiến bộ-dân chủ có liên quan đến lĩnh vực tư pháp mà chúng không thể nào

thiếu được trong một NNPQ đích thực như: a) Tính độc lập thực sự của nhánh QTP; b) Tòa án Hiến pháp (TAHP); c) Chế định kiểm tra Hiến pháp (KTrHP); d) Sự kiểm tra của QTP (Tòa án) đối với 2 nhánh quyền lực khác (quyền lập pháp QLP và quyền hành pháp - QHP); đ) Sự tôn trọng thực sự từ phía quyền lực Nhà nước và sự bảo vệ một cách hữu hiệu bằng hệ thống Tòa án công minh và độc lập, chỉ tuân theo Hiến pháp và pháp luật đối với các quyền và tự do của con người và của công dân

2.3.2. Góp phần làm cho *nhánh QTP được tổ chức một cách khoa học, khả thi và độc lập* để đảm bảo việc thực hiện tốt các nhiệm vụ sau: a) Sự giải thích Hiến pháp bằng TAHP; b) Hoạt động tố tụng tư pháp về Hiến pháp đối với các văn bản vi hiến và các hành vi được thực hiện trên cơ sở các văn bản vi hiến; c) Sự vận hành có hiệu quả và đồng bộ của cơ chế *phân công, phối hợp* và *kiểm soát* nhau giữa các cơ quan công quyền thuộc tất cả các nhánh quyền lực nhằm góp phần biến các nguyên tắc được thừa nhận chung của NNPQ vào đời sống hiện thực.

2.2.3. Góp phần làm cho: a) Cơ sở của quyền lực Nhà nước *thực sự là ý chí của nhân dân* - chủ quyền của nhân dân phải cao hơn chủ quyền của Nhà nước; b) *Hiến pháp và các luật phải là tối thượng* trong toàn bộ hoạt động thực tiễn của bộ máy công quyền; c) *Các quyền và tự do của con người và của công dân được đảm bảo bằng các cơ chế pháp lý hữu hiệu và đồng bộ tránh khỏi sự lạm quyền, độc đoán và tùy tiện* của các quan chức trong bộ máy công quyền - tức là các quyền và tự do ấy phải được ghi nhận chính xác về mặt *lập pháp*, thi hành đầy đủ trên thực tế về mặt *hành pháp* và, bảo vệ vững chắc về mặt *tư pháp*.

2.3.4. Góp phần: a) Làm cho tình hình tội phạm *giảm thiểu tối đa*; b) Làm cho hệ thống TPHS của đất nước phải đủ sức đấu tranh có

hiệu quả chống lại các tội phạm xuyên quốc gia và tội phạm quốc tế vì *hòa bình và an ninh trong khu vực và trên thế giới*, c) Xây dựng cho được và củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào *sức mạnh của hệ thống TPHS* (nói riêng) và *bộ máy Nhà nước* (nói chung), cũng như vào *pháp chế, hiệu lực và sự công minh của pháp luật* trong NNPQ.

2.3.5. Và cuối cùng, bằng việc đổi mới hệ thống pháp luật về TPHS phải góp phần làm cho các quy định của nó ngày càng hoàn thiện để hệ thống pháp luật trong lĩnh vực ĐTrVTP này: a) *Không chỉ phù hợp với những điều kiện cụ thể của đất nước* (về kinh tế-xã hội, văn hóa, lịch sử-truyền thống, tâm lý - đạo đức, v.v...) mà còn phù hợp với *các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung của PLQT*; b) Có đủ khả năng tạo ra các căn cứ pháp lý khả thi cho sự hội nhập có hiệu quả của hệ thống TPHS quốc gia với hệ thống tư pháp của các nước trong khu vực và trên thế giới; c) Làm cho hoạt động ĐTrVTP của các cơ quan TPHS (BVPL và Tòa án) thực sự xứng đáng ngang tầm trong bối cảnh toàn cầu hóa và xu thế hội nhập tất yếu hiện nay.

2.4. Đối tượng của việc hoàn thiện pháp luật về TPHS nhằm BVQC con người trước yêu cầu SDHP của giai đoạn xây dựng NNPQ là các lĩnh vực (khách thể) mà hệ thống pháp luật về TPHS tác động đến để đạt được các mục tiêu đặt ra và chính vì thế, khái niệm này cần được hiểu một cách đầy đủ vì nó bao gồm bốn lĩnh vực tương ứng với bốn chuyên ngành pháp luật về ĐTrVTP là: 1) PLHS; 2) Pháp luật TTHS; 3) Pháp luật THAHS và; 4) Pháp luật về tổ chức các cơ quan TPHS.

2.5. Yêu cầu (đòi hỏi) của việc hoàn thiện pháp luật về TPHS nhằm BVQC con người trước yêu cầu SDHP của giai đoạn xây dựng NNPQ là tiêu chí khách quan được đặt ra mà việc đổi mới nó cần phải đáp ứng được và theo

quan điểm của chúng tôi, đó chính là 5 đòi hỏi (tiêu chí) cơ bản sau đây: 1) Phải phù hợp không chỉ với xu thế hội nhập của cộng đồng quốc tế (nói chung), mà cả các quy luật phát triển khách quan (về kinh tế-xã hội, chính trị, pháp luật, văn hóa, lịch sử-truyền thống, v.v...) của đất nước (nói riêng); 2) Phải dựa trên ba nguyên tắc được thừa nhận chung của NNPQ với tính chất là nền tảng quan trọng nhất (như: tôn trọng và bảo vệ các quyền và tự do của con người, bảo đảm thực sự tính pháp chế cao nhất và hiệu quả trực tiếp của Hiến pháp trong hoạt động tư pháp và, phân công lao động và KSQL nhà nước để tạo ra cơ chế kiểm tra và cân bằng của tất cả nhánh quyền lực nhà nước; 3) Phải phù hợp với quá trình tổ chức và thực hiện QTP trong NNPQ là độc lập, không bị phụ thuộc vào các nhánh quyền lực khác, chỉ do các Tòa án thực hiện và bằng hoạt động xét xử (tài phán) về Hiến pháp, hình sự và phi hình sự như: hành chính, dân sự, lao động, kinh tế, hôn nhân và gia đình); 4) Phải được triển khai theo các nguyên tắc tổ tụng tư pháp tiến bộ và dân chủ được thừa nhận chung của PLQT là: a) Pháp chế; b) Độc lập của thẩm phán; c) Xét xử tập thể; d) Xét xử công khai; đ) Xét xử bằng lời nói, trực tiếp và liên tục; e) Đảm bảo quyền tự do sử dụng tiếng dân tộc đối với người không biết ngôn ngữ tiến hành tố tụng; f) Tranh tụng và; g) Bình đẳng trước pháp luật và Tòa án của các bên tham gia tố tụng; 5) Và cuối cùng, việc đổi mới hệ thống pháp luật về TPHS phải phù hợp với nguyên tắc nhân đạo nên không cho phép thành lập các tòa án đặc biệt, đồng thời phải được tiến hành đồng bộ với việc cải cách ba hệ thống các cơ quan BVPL trong lĩnh vực ĐTrVTP (đã nêu trên đây).

3. Những nguyên tắc hoàn thiện pháp luật về TPHS trước yêu cầu SDHP của giai đoạn xây dựng NNPQ

3.1. *Khái niệm nguyên tắc hoàn thiện pháp luật về TPHS nhằm BVCQ con người trước yêu cầu SDHP của giai đoạn xây dựng NNPQ có thể được định nghĩa* là tư tưởng chỉ đạo và là định hướng cơ bản của công cuộc CCTP liên quan đến lĩnh vực ĐTrVTP, được thể hiện trong các quy phạm (hoặc các chế định) của các chuyên ngành pháp luật tương ứng mà thông qua đó phản ánh nội dung chủ yếu và các lợi ích xã hội của việc bảo vệ một cách vững chắc các quyền con người tránh khỏi sự xâm hại của tội phạm từ phía các công dân trong xã hội và từ phía các quan chức của các cơ quan TPHS, hiệu quả hoạt động ĐTrVTP của các cơ quan này, cũng như của các quy luật phát triển khách quan tác động đến quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật ấy. Như vậy, từ khái niệm này cho thấy, nguyên tắc hoàn thiện pháp luật về TPHS (nói riêng) luôn có mối liên hệ chặt chẽ - khăng khít và phải luôn luôn xuất phát từ nguyên tắc cải cách tư pháp (nói chung) trước yêu cầu SDHP của giai đoạn xây dựng NNPQ vì tất cả những nguyên tắc này ở các mức độ khác nhau đều vai trò nhất định đối với công cuộc CCTP thông qua những đặc điểm cơ bản thể hiện nội hàm chứa đựng trong bất kỳ nguyên tắc nào của đổi mới hệ thống pháp luật về TPHS như sau: 1) Phải là tư tưởng chỉ đạo và là định hướng cơ bản của công cuộc CCTP liên quan đến lĩnh vực ĐTrVTP được thể hiện trong các quy phạm (hoặc các chế định) của chuyên ngành pháp luật tương ứng về TPHS (như: PLHS, pháp luật TTHS, pháp luật THAHS và pháp luật về tổ chức các cơ quan TPHS); 2) Phải phản ánh được nội dung chủ yếu và các lợi ích xã hội tương ứng của việc bảo vệ một cách vững chắc các quyền con người tránh khỏi sự xâm hại của

tội phạm từ phía các công dân trong xã hội và từ phía các quan chức của các cơ quan TPHS, 2) Phải phản ánh được hiệu quả hoạt động ĐTrVTP của các cơ quan TPHS trong đất nước; 3) Phải phản ánh được các quy luật phát triển khách quan nào đó tác động đến quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật về TPHS.

3.2. *Nội hàm những nguyên tắc hoàn thiện pháp luật về TPHS nhằm BVCQ con người trước yêu cầu SDHP của giai đoạn xây dựng NNPQ.* Từ sự phân tích trên đây và từ việc nghiên cứu các quy luật khách quan đang tồn tại ở Việt Nam (về kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa, lịch sử-truyền thống, v.v...) tác động đến quá trình CCTP theo chiến lược đến năm 2020 (nói chung) và hệ thống TPHS (nói riêng) của đất nước có thể xác định danh mục 5 nguyên tắc cơ bản của đổi mới hệ thống pháp luật về TPHS mà tại các tiết từ 3.3. đến 3.7. dưới đây sẽ lần lượt xem xét nội hàm của chúng: 1) Phù hợp với thông lệ quốc tế; 2) Công khai, dân chủ và minh bạch; 3) Kết hợp giữa khoa học và thực tiễn; 4) Hợp tác quốc tế và; 5) Pháp chế.

3.3. *Nguyên tắc phù hợp với thông lệ quốc tế - hoàn thiện pháp luật về TPHS cần phải dựa trên các tư tưởng pháp lý tiến bộ và dân chủ trong lĩnh vực tư pháp (nói chung) và TPHS (nói riêng),* cũng như hướng tới việc bảo vệ một cách vững chắc và hữu hiệu bằng Tòa án các quyền con người với tư cách là các giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại tránh khỏi sự xâm hại của tội phạm, cũng như tránh khỏi sự tùy tiện, chuyên quyền và vô pháp luật do các quan chức của bộ máy công quyền trong hoạt động thực tiễn TPHS. Những cơ sở khoa học-thực tiễn cho sự cần thiết của nguyên tắc thứ nhất này là ở chỗ:

3.3.1. Thực tiễn của các NNPQ trên thế giới, cũng như thực tiễn quốc tế hiện đại những năm cuối thế kỷ XX-đầu thế kỷ XXI đã và đang

minh chứng một cách xác đáng, khách quan và đảm bảo sức thuyết phục rằng, các tư tưởng pháp lý tiến bộ được thừa nhận chung của nền văn minh nhân loại đều được thể hiện rõ trong một loạt các nguyên tắc cơ bản sau đây của hoạt động TPHS: a) Pháp chế; b) Công minh; c) Nhân đạo; d) Dân chủ; đ) Bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật; e) Trách nhiệm hình sự (TNHS) do lỗi; f) TNHS cá nhân; g) Suy đoán vô tội; h) Tiết kiệm tối đa các biện pháp trấn áp về hình sự và; i) Đảm bảo sự tôn trọng các quyền và tự do của con người trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và THAHS.

3.3.2. Do đó, trong bối cảnh toàn cầu hóa và triển triển hội nhập của nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới là xu thế tất yếu và nằm trong quy luật chung của nhân loại, thì khi triển khai Chiến lược CCTP đến năm 2020, các nguyên tắc cơ bản trên đây của hoạt động TPHS được cụ thể hóa ở các mức độ khác nhau trong chính sách phòng ngừa tội phạm và cả ba (03) chính sách pháp luật liên quan đến lĩnh vực TPHS đất nước - PLHS, pháp luật TTHS và pháp luật THAHS, đồng thời cũng phải được ghi nhận trong tất cả ba ngành luật này và trong pháp luật về tổ chức các cơ quan TPHS.

3.3.3. Như vậy, nếu như hoàn thiện pháp luật về TPHS ở Việt Nam được triển khai tốt trên cơ sở nguyên tắc thứ nhất này, thì ở các mức độ khác nhau sẽ góp phần đem lại các lợi ích xã hội như sau: a) Khẳng định quyết tâm xây dựng NNPQ của Việt Nam là có thật (chứ không phải chỉ là những lời hoa mỹ có tính chất tuyên ngôn nằm trên giấy tờ) và bằng cách đó, củng cố được uy tín của nước ta trước các quốc gia thành viên của LHQ; b) Hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống TPHS trong đất nước và; c) Góp phần bảo vệ được một cách vững chắc tính mạng và sức khỏe, danh dự và nhân phẩm, các quyền và tự do của con người.

3.3.4. Trong bất kỳ một NNPQ đích thực nào các quyền và tự do của con người và của công dân cùng với các tư tưởng pháp lý tiến bộ nêu trên (công bằng, nhân đạo, dân chủ và pháp chế) của nền văn minh nhân loại bao giờ cũng được thừa nhận chung là các giá trị tinh thần cao quý nhất nên chúng không chỉ là mục đích cuối cùng trong cuộc đấu tranh chính nghĩa của các dân tộc chống lại tất cả các chế độ bất công và tàn bạo, chuyên chế và cực quyền đủ các thể loại, mà còn là ước vọng hàng bao thế kỷ qua của toàn thể nhân dân lao động trên toàn thế giới.

3.3.5. Một trong các nhiệm vụ chính, chức năng quan trọng và là phương hướng hoạt động thường xuyên của các NNPQ đích thực, đồng thời cũng là điều kiện cơ bản và là động lực tinh thần quan trọng đảm bảo cho sự hình thành, phát triển và ổn định của nền kinh tế thị trường tự do với tư cách là hạ tầng cơ sở tạo nên các giá trị vật chất cho XHDS và NNPQ - phải làm sao xác lập cho được các cơ chế pháp lý vững chắc và hữu hiệu để có thể bảo vệ được ở mức độ cao nhất các quyền và tự do của con người và của công dân bằng nhánh quyền lực tư pháp thực sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

3.3.6. Chính vì vậy, để nguyên tắc cơ bản này được triển khai có hiệu quả trong thực tiễn, thì NNPQ không chỉ đơn giản là ghi nhận các quyền và tự do của con người và của công dân trong các VBPL thực định - về mặt lập pháp (từ Hiến pháp đến các Bộ luật, đạo luật khác, v.v...), mà điều cơ bản là phải soạn thảo cho được các cơ chế pháp lý hữu hiệu và khả thi để làm cho chúng (các quyền và tự do ấy) phải được thực thi trong thực tiễn (chứ không chỉ nằm trên giấy) - về mặt hành pháp, đồng thời được bảo vệ một cách vững chắc - về mặt tư pháp.

3.4. Nguyên tắc công khai, dân chủ và minh bạch – đổi mới hệ thống pháp luật về TPHS cần phải được tiến hành bằng các cơ chế công khai, dân chủ và minh bạch để đảm bảo sự thể hiện cao nhất, đầy đủ nhất ý chí và chủ quyền của nhân dân trong việc đổi mới và tổ chức-hoạt động của các cơ quan TPHS (bao gồm Tòa án và 3 loại cơ quan đã nêu trên). Những cơ sở khoa học - thực tiễn cho sự cần thiết của nguyên tắc thứ nhất này là ở chỗ:

3.4.1. Tùy theo tính chất, phạm vi của loại văn bản QPPL của Việt Nam trong lĩnh vực TPHS, tùy theo đối tượng cần được thu hút tham gia vào quá trình xây dựng văn bản (hoặc đối tượng liên quan đến sự điều chỉnh của loại văn bản) mà trước khi ban hành các loại văn bản tương ứng (như: Luật của Quốc hội, Pháp lệnh của UBTV Quốc hội, Nghị định của Chính phủ, v.v...) các cơ chế dân chủ và công khai có thể được thực hiện bằng nhiều phương pháp (hình thức) khác nhau như: a) Tổ chức rộng rãi các cuộc hội thảo, tọa đàm khoa học hay các hội nghị chuyên đề khác nhau với sự tham gia của: các cán bộ thực tiễn có tên tuổi đã nghỉ hưu và các nhà khoa học là chuyên gia có trình độ cao trong từng chuyên ngành của hệ thống pháp luật về TPHS, từng lĩnh vực hoạt động tương ứng của bộ máy Nhà nước và đời sống xã hội; b) Tổ chức đấu thầu việc biên soạn các Dự án của các Luật, các Bộ luật hay các Nghị định của Chính phủ trong tập thể (hoặc một nhóm người) thuộc hai đối tượng đã nêu; vì thực sự là tính logic pháp lý và kỹ thuật lập pháp của việc biên soạn BLHS năm 1999, Bộ luật TTHS năm 2003 hoặc một loạt các Nghị định là chưa đạt lắm (nhất là kỹ thuật lập pháp trong các Nghị định thì rõ ràng là rất yếu kém); c) Tiến hành phát phiếu điều tra xã hội học để tham khảo ý kiến của một số đối tượng nhất định (như: sinh viên, học viên, NCS, CBGD tại các cơ sở đào tạo Luật, các cán bộ NCKH ở các Viện NCKH pháp

lý, các cán bộ thực tiễn của các cơ quan BVPL và Tòa án, các phạm nhân đang chấp hành hình phạt tại các nhà tù, v.v...).

3.4.2. Như vậy, sự phân tích trên đây cho thấy, nếu việc hoàn thiện pháp luật về TPHS nhằm BVQC con người trong bối cảnh SDHP của giai đoạn xây dựng NN PQ Việt Nam được triển khai tốt trên cơ sở nguyên tắc thứ ba này, thì ở các mức độ khác nhau sẽ đem lại các lợi ích xã hội như sau: a) Chính bằng các cơ chế của sự công khai và minh bạch sẽ đem lại hiệu quả cao của hoạt động lập pháp vì chúng (các cơ chế đó) thể hiện sự dân chủ và công khai với tính chất là hai nguyên tắc rất quan trọng của hoạt động lập pháp trong NN PQ nên các văn bản QPPL của Nhà nước sẽ thực sự phản ánh được cao nhất và đầy đủ nhất ý chí và chủ quyền của nhân dân – nền tảng của Chính phủ; b) Loại trừ thực trạng thiếu khách quan đang tồn tại trong hoạt động lập pháp - khi đối tượng điều chỉnh của văn bản QPPL có liên quan đến lĩnh vực thuộc Bộ (ngành) nào, thì văn bản đó được giao cho chính Bộ (ngành) đó biên soạn Dự án tương ứng nên thường dẫn đến xu hướng thiên kiến, “cục bộ”, dành cho ngành (Bộ) của mình nhiều quyền (ít nghĩa vụ), đầy khó khăn - trách nhiệm cho Bộ, ngành bạn, nhân dân và xã hội mà không hề đặt mục đích cao nhất là văn bản đó phải đặt lợi ích chung của toàn xã hội lên trên hết.

3.4.3. Do tranh thủ được kinh nghiệm của các cán bộ thực tiễn có thâm niên và tiềm năng chất xám (trí tuệ) của các nhà khoa học-luật gia là các chuyên gia có trình độ cao trong từng chuyên ngành pháp luật hoặc từng lĩnh vực hoạt động tương ứng của hệ thống TPHS nên sẽ tránh được xu hướng lý thuyết suông-khoa học phòng giấy của một số nhà lý luận, quan chức làm công tác nghiên cứu đang ngồi trong bốn bức tường của một số Viện NCKH,

Văn phòng Chính phủ, Bộ và cơ quan ngang Bộ hiện nay.

3.4.4. Góp phần bổ sung các quy phạm, các chế định tiến bộ và nhân đạo được thừa nhận chung của lĩnh vực TPHS trong NNPQ còn thiếu (hoặc loại trừ các kẽ hở) trong các VBPL có liên quan đến lĩnh vực TPHS của nước ta hiện nay; đồng thời làm cho các văn bản này đạt được 5 tiêu chí cơ bản và quan trọng nhất của một VBPL luật được coi là khả thi là: a) Nhất quán về mặt logic pháp lý; b) Đơn giản-dễ hiểu về mặt ngôn ngữ; c) Chặt chẽ về mặt kỹ thuật lập pháp; d) Chính xác về mặt khoa học và; đ) Phù hợp với thực tiễn.

3.4.5. Góp phần loại trừ được những văn bản pháp quy có kỹ thuật lập pháp yếu kém dẫn đến sự vi hiến rõ rệt đang tồn tại, gây bất bình trong một hoặc nhiều bộ phận quần chúng nhân dân lao động, gây hại cho uy tín của Đảng và Nhà nước.

3.5. Nguyên tắc kết hợp giữa khoa học và thực tiễn - hoàn thiện pháp luật về TPHS cần phải dựa trên những luận chứng khoa học thể hiện sự kết hợp hài hòa các luận điểm KHPL về TPHS của Việt Nam với các thành tựu tiên tiến của KHPL về TPHS trên thế giới để phân tích một cách khách quan, có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục 1) các QHXX đang tồn tại và sẽ phát triển trong xã hội, 2) cũng như hiệu quả xã hội của các quy phạm và các chế định pháp luật về ĐTrVTP được các cơ quan tư pháp (Tòa án) và các cơ quan BVPL áp dụng trong thực tiễn TPHS nhằm đáp ứng kịp thời các đòi hỏi cấp bách của thực tiễn TPHS trong cuộc ĐTrVTP, cũng như những đòi hỏi (yêu cầu) thiết thực của việc đổi mới hiện nay (như về tổ chức-cán bộ, thẩm quyền, chức năng và nhiệm vụ, v.v...) trong các cơ quan tư pháp (Tòa án) và các cơ quan BVPL. Những cơ sở khoa học-thực tiễn cho sự cần thiết của nguyên tắc thứ nhất này đối với cải cách, v.v...) trong các cơ quan tư

pháp (Tòa án) và các cơ quan BVPL. Những cơ sở khoa học-thực tiễn cho sự cần thiết của nguyên tắc thứ nhất này là ở chỗ:

Công cuộc CCTP (nói chung) và hoàn thiện pháp luật về TPHS (nói riêng) sẽ đảm bảo được tính khoa học - thực tiễn cao nếu như dựa trên sự phân tích các QHXX đang tồn tại và phát triển trong xã hội Việt Nam một cách nghiêm túc và đồng bộ, toàn diện và có hệ thống theo một quy trình khoa học có tính logic gồm 3 công đoạn - tổng kết thực tiễn (1), nghiên cứu hiện tại (2) và dự báo tương lai (3) tương ứng như đã phân tích về các nguyên tắc cơ bản của CCTP.

3.6. Nguyên tắc hợp tác quốc tế - hoàn thiện pháp luật về TPHS cần phải dựa trên các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc, đồng thời đảm bảo sự phù hợp với các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế trong lĩnh vực TPHS nhằm hỗ trợ tích cực cho quá trình thực thi các Hiệp định về tương trợ về TPHS và dẫn độ tội phạm đó được ký kết giữa nước ta với các nước khác, góp phần khẳng định vị thế của Việt Nam trong xu hướng chung và tất yếu của toàn cầu hóa và hội nhập với cộng đồng quốc tế. Những cơ sở khoa học - thực tiễn cho sự cần thiết của nguyên tắc thứ tư này là ở chỗ:

3.6.1. Trong nền văn hóa tinh thần của dân tộc Việt Nam, cũng như của bất kỳ một dân tộc phương Đông nào đều có các giá trị pháp luật truyền thống của mình và các giá trị này đóng vai trò tích cực trong việc hình thành hệ tư tưởng pháp luật tiên tiến, đồng thời ảnh hưởng đáng kể không chỉ đến văn hóa pháp lý của toàn xã hội nói chung, mà cả đến việc hoàn thiện hệ thống pháp luật thuộc lĩnh vực TPHS nói riêng.

3.6.2. Tư tưởng của các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc Việt Nam cùng với các nguyên tắc và các quy phạm được thừa

nhận chung của pháp luật quốc tế thuộc lĩnh vực TPHS *cần phải được thể hiện rõ* ở các mức độ nhất định nhằm định hướng cho quá trình đổi mới và hoàn thiện các quy định hiện hành của các ngành luật thuộc lĩnh vực TPHS của nước ta sao cho phù hợp với các chuẩn mực pháp lý chung của cộng đồng quốc tế.

3.6.3. Trong quá trình hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới, nhà nước ta đã ký kết nhiều Hiệp định tương trợ pháp lý về TPHS và dẫn độ tội phạm với một số quốc gia vì vậy, hệ thống pháp luật hiện hành của các ngành luật thuộc lĩnh vực TPHS cần phải được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện cho phù hợp với các nguyên tắc và các quy phạm được thừa nhận chung của pháp luật quốc tế nhằm đáp ứng kịp thời các đòi hỏi của thực tiễn pháp lý của nước ta, cũng như của cộng đồng quốc tế vì hòa bình và an ninh của nhân loại trong khu vực và trên thế giới.

3.6.4. Từ sự phân tích trên cho thấy, nếu nguyên tắc này được triển khai tốt, thì ở các mức độ khác nhau sẽ đem lại *các lợi ích xã hội* như sau: a) Hỗ trợ cho quá trình thực thi tốt các Hiệp định tương trợ về pháp lý đã được ký kết giữa nước ta với các nước trên thế giới nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế của Việt Nam với cộng đồng quốc tế trong lĩnh vực TPHS và trong cuộc ĐTrVTP quốc tế và tội phạm xuyên Quốc gia, gìn giữ hòa bình và an ninh trong khu vực và trên toàn thế giới nói riêng; b) Góp phần xây dựng một hệ thống TPHS mạnh của Việt Nam mà trong đó, bên cạnh việc gìn giữ tốt các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc còn đáp ứng được các chuẩn mực pháp lý được thừa nhận chung của cộng đồng quốc tế, phù hợp với xu thế hội nhập của nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới, đồng thời thúc đẩy nhanh quá trình này.

3.7. Và cuối cùng, *nguyên tắc pháp chế - hoàn thiện pháp luật về TPHS* cần phải đảm bảo ở mức cao nhất tính pháp chế tối thượng và

hiệu lực trực tiếp của Hiến pháp trong các lĩnh vực hoạt động của Nhà nước và sinh hoạt của xã hội. Những cơ sở khoa học-thực tiễn cho sự cần thiết của nguyên tắc thứ năm này là ở chỗ:

3.7.1. Quá trình tổ chức BMQL nhà nước trên thế giới hàng nghìn năm qua đã minh chứng một cách có căn cứ và đảm bảo sức thuyết phục rằng, các chế độ độc tài phi dân chủ và vô pháp luật (lẽ dĩ nhiên là pháp luật đúng với nghĩa đích thực của nó chứ không phải là pháp luật của giai cấp cầm quyền) trong các nhà nước cực quyền dù các thể loại (từ chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến đến chế độ tư bản “rừng rú” hoặc chế độ “XHCN trại lính, tập trung và quan liêu, đặc quyền và đặc lợi” như ở Bắc Triều tiên hiện nay) – di sản xấu xa và tàn bạo, vô liêm sỉ và đáng nguyền rủa nhất của lịch sử nhân loại – tồn tại được chính là do các thế lực cầm quyền trong các nhà nước đó vì quyền lợi ích kỷ riêng của chúng nên cố tình không muốn thiết lập *cơ chế kiểm soát quyền lực (KSQL)* Nhà nước để dễ dàng mị dân, tùy tiện, hách dịch, cửa quyền và đàn áp sự phản kháng của nhân dân lao động vì các quyền và tự do của họ.

3.7.2. Cơ chế KSQL nhà nước (*nói chung*) chỉ có thể thiết lập được một cách đích thực và tồn tại vững chắc trong hoạt động thực tiễn của bộ máy công quyền ở mức cao nhất khi nó được đảm bảo một cách đồng bộ bằng sự hiện diện của 6 yếu tố - đòi hỏi cơ bản sau đây: a) Cơ chế KSQL nhà nước (*nói chung*) và chế định KTrHP (*nói riêng*) bằng nhánh QTP hoặc nhánh quyền KTrHP độc lập thứ tư; b) Sự độc lập đích thực và sự kiểm tra của nhánh QTP đối với các nhánh quyền lực khác trong Nhà nước; c) Sự giải thích Hiến pháp và pháp luật mang tính chung thẩm của TAHP; d) Sự giám sát của Tòa án đối với việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế trong lĩnh vực TPHS và; đ) Sự phối hợp và chế ước lẫn nhau một cách đồng bộ, hữu

hiệu và với thiện chí hợp tác giữa các cơ quan thuộc tất cả các nhánh quyền lực trong NNPQ.

3.7.3. Từ sự phân tích trên cho thấy, nếu nguyên tắc thứ *năm* này được triển khai tốt, thì ở các mức độ khác nhau sẽ đem lại *các lợi ích xã hội* như sau: a) Góp phần xây dựng được các cơ chế kiểm tra của XHDS đối với quá trình tổ chức và thực hiện quyền lực Nhà nước và bằng cách đó tạo ra được tính minh bạch và công khai trong hoạt động thực tiễn của bộ máy công quyền trước nhân dân và dư luận xã hội; b) Chính các cơ chế kiểm tra của XHDS, tính công

khai và minh bạch của bộ máy công quyền, cũng như cơ chế KSQL Nhà nước một cách thực sự sẽ hỗ trợ tích cực cho cuộc đấu tranh chống và ngăn ngừa các tệ nạn quan liêu, hách dịch, cửa quyền và tham nhũng của các công chức thoái hóa biến chất trong bộ máy công quyền; c) Toàn bộ các lợi ích xã hội nêu trên sẽ góp phần đặc lực và đáng kể cho thành công của công cuộc CCTP nói riêng và thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp xây dựng một NNPQ đích thực ở Việt Nam.

Perfecting the Law in the Criminal Justice Area in Vietnam: A Ponder Over the Fundamental Principles

Lê Văn Cẩm

VNU School of Law, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam

Abstract: On the basis of studying the relevant categories such as concepts, meanings, goals, objects and demands of perfecting the law on criminal justice, the paper deals with the analysis of the principles of perfecting the law on criminal justice in view of the need of amending the Constitution in period of building the rule-of-law State such as: 1) In conformity with international practice; 2) Openness, democracy and transparency; 3) Combination between science and realities; 4) International cooperation and, 5) Legislation.